TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Xuyến

Ông Vàng Mí Chỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST - HNGĐ ngày 01/4/2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1984; số CCCD 000000 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm Ruộng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bàn Hữu S, sinh năm 1979; số CCCD 000000 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm Ruộng. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Chị T, anh S cùng trú tại thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là thôn C, xã P1, tỉnh Tuyên Quang).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2025 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn và quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Bàn Hữu S tự nguyện chung sống với nhau tại xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là xã P1, tỉnh Tuyên Quang) có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ ngày 10/12/2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hỏi vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì giữa hai vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau. Anh S thường xuyên đánh đập chị và các con nhiều lần khiến cho các cháu lo lắng, ảnh hưởng đến việc học tập và cuộc sống gia đình. Tuy nhiên vì muốn các con đủ bố và mẹ nhiều lần chị đã chấp nhận tha thứ nhưng đến đầu năm 2024 anh S uống rượu về chửi bới, xúc phạm mẹ con chị; đến ngày 10/6/2024 anh và con gái là cháu Bàn Thị Bích L đã xảy ra xô xát khiến các con chị sợ hãi, không muốn chung sống cùng bố. Kể từ đó chị và anh S sống ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bàn Hữu S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là Bàn Thị Bích L, sinh ngày 28/11/2004; Bàn Thị L2, sinh ngày 17/9/2006; Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009 và Bàn Phúc L, sinh ngày 22/01/2022. Khi ly hôn chị có nguyện vọng chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 04 con chung. Chị không đề nghị anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung, riêng: Vợ chồng anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/9/2025 và tại phiên tòa bị đơn anh Bàn Hữu S trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Lý Thị T về việc vợ chồng anh chị tự nguyện chung sống và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn từ ngày 10/12/2002. Quá trình chung sống không mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến ngày mùng 4/5/2016 vợ chồng tôi có xảy ra xô xát, sau đó chị T bỏ về nhà ngoại, vợ chồng sống ly thân đến đầu năm 2017 thì quay lại tiếp tục chung sống với nhau và xây nhà cửa chung sống hòa thuận với nhau. Đến khoảng tháng 6/2024 anh và chị T lạnh nhạt với nhau, không còn nói chuyện hoà hợp với nhau nữa, vợ chồng luôn xảy ra tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T khởi kiện ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là: Bàn Thị Bích L, sinh ngày 28/11/2004; Bàn Thị L2, sinh ngày 17/9/2006; Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009; Bàn Phúc L, sinh ngày 22/01/2022. Hai cháu Bàn Thị Bích L và Bàn Thị L2 đã đủ tuổi trưởng thành, đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh nhất trí anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bàn Thị T cho đến khi cháu trưởng thành; Chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bàn Phúc L cho đến khi cháu trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung, riêng: Chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Lý Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với anh Bàn Hữu S. Về con chung chị có ý kiến do 02 cháu Bàn Thị Bích L, sinh ngày 28/11/2004 và Bàn Thị L2, sinh ngày 17/9/2006 đã đủ tuổi trưởng thành, đều trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với 02 cháu Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009 và Bàn Phúc L, sinh ngày

22/01/2022, chị có nguyện vọng khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bàn Phúc L cho đến khi cháu trưởng thành; anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bàn Thị T cho đến khi cháu trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Bàn Hữu S anh S không muốn ly hôn với chị T vì thương các con, nếu ly hôn anh S nhất trí quan điểm chị T về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang: Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng chức năng của mình, tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng đúng thời hạn quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nòa phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, hợp tác tốt với Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Lý Thị T và anh Bàn Hữu S là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 15; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Bàn Phúc L, sinh ngày 22/01/2022 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; giao cháu Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009 cho anh Bàn Hữu S là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Lý Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lý Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Bàn Hữu S, có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (nay là thôn C, xã P1, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Bàn Hữu S chung sống với nhau như vợ chồng từ 10/12/2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng xảy ra xô xát nhau. Đến tháng 6/2024 chị T và anh S sống ly thân đến nay, không ai còn quan tâm, hỏi han nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị T đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Hữu S, anh S không muốn ly hôn với chị T vì thương các con. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Bàn Hữu S.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh S có 04 con chung là Bàn Thị Bích L, sinh ngày 28/11/2004; Bàn Thị L2, sinh ngày 17/9/2006; Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009 và Bàn Phúc L, sinh ngày 22/01/2022. Hiện 02 cháu L và L2 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với cháu T và cháu L, dựa trên cơ sở ý kiến của chị T, anh S và khả năng nuôi dưỡng, thu nhập anh chị. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bàn Phúc L cho chị Lý Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; giao cháu Bàn Thị T cho anh Bàn Hữu S là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật

[4] Về tài sản, công nợ chung, riêng: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lý Thị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, chị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Bàn Hữu S.

2. Về con chung:

Đối với cháu Bàn Thị Bích L, sinh ngày 28/11/2004 và cháu Bàn Thị L2, sinh ngày 17/9/2006 (đã trưởng thành) không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Bàn Phúc L sinh ngày 22/01/2022 cho chị Lý Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

Giao cháu Bàn Thị T, sinh ngày 09/6/2009 cho anh Bàn Hữu S là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- UBND xã P1, tỉnh Tuyên Quang
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI DỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Xuyến **Vàng Mí Chỏ** **Hoàng Thị Vân**